

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 01 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tư**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Dạ Thảo**

2. Bà **Đặng Thị Hoàng Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Ni** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Trần Ngọc Bích** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2019 về việc: *tranh chấp xin ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 2000; nơi cư trú: Số 8/1 ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 210 đoạn 3 lộ Trung Hoa, khóm 012, phường Trường Khanh, khu Bát Lý, thành phố Tân Bắc, Đài Loan. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn A trình bày:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2019, nguyên đơn chị A trình bày như sau: Thông qua mai mối chị A và anh B tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 08/7/2019. Sau khi hết hôn, trong thời gian sống chung giữa chị A và anh B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống, anh B có những lời lẽ xúc phạm chị A, sau đó anh B về Đài Loan và vợ chồng không còn liên lạc cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không có, vợ chồng không còn sống chung với nhau, mâu thuẫn giữa chị A và anh B ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long trình bày:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn: Vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A. Cho chị A được quyền ly hôn với anh B. Về con chung, về tài sản chung: Chị A không yêu cầu nên không giải quyết. Chị A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Ngày 08/01/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 06/UTTPDS-TA61 gửi Bộ Tư pháp về việc tương trợ tư pháp lần 1 để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B.

Ngày 08/10/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 100/UTTPDS-TA61 gửi Bộ Tư pháp về việc đề nghị thông báo về việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án.

Ngày 23/12/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 243/TATND-CV gửi Ban đối ngoại - Đài tiếng nói Việt Nam đề nghị đăng tin thông báo cho bị đơn 03 lần trong 03 ngày liên tiếp nội dung thông báo cho anh B đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long dự phiên tòa vào ngày 08/01/2021 nếu anh B vắng mặt Tòa án sẽ mở lại phiên tòa vào ngày 25/01/2021 nhưng cả hai lần nêu trên anh B đều vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Chị A và anh B tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 08/7/2019. Sau khi hết hôn, trong thời gian sống chung giữa chị A và anh B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống, anh B có những lời lẽ xúc phạm chị A, sau đó anh B về Đài Loan và vợ chồng không còn liên lạc cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không có, vợ chồng không còn sống chung với nhau, mâu thuẫn giữa chị và anh B ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh B, Xiang – Ting.

Xét chị A và anh B không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, hiện nay chị A cũng không còn liên lạc với anh Hong, Xiang – Ting, do chị A và anh B vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị A ly hôn với anh B là đúng qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung, con chung: Không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

2.3. Lệ phí Ủy thác tư pháp và lệ phí đăng tin thông báo: Chị A phải chịu toàn bộ lệ phí ủy thác tư pháp và lệ phí đăng tin thông báo.

2.4. Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Điều 227, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A.

- Về hôn nhân: Cho chị A được ly hôn với anh B.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị A nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị A đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0002515 ngày 09/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị A đã nộp xong.

- Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị A phải chịu toàn bộ lệ phí ủy thác tư pháp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) được khấu trừ 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) chị A đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002565 ngày 03/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị A đã nộp xong.

- Lệ phí đăng tin thông báo: Chị A phải chịu toàn bộ lệ phí đăng tin thông báo là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), chị A đã nộp xong.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn Bvắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- Chánh án TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02b;
- Cục THA.DS tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- Phòng Hộ tịch - Sở Tư Pháp tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư